

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND huyện về việc ban hành quy chế làm việc của UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND huyện về việc phân công công tác của Chủ tịch UBND huyện và các Phó Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về việc bổ sung Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND huyện về phân công công tác của Chủ tịch UBND huyện và các Phó Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 5284/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 về việc điều chỉnh phân công công tác của lãnh đạo UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc tại Văn bản số 65/NEPC-KHĐT ngày 23/02/2024;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sóc Sơn tại Tờ trình số 115/TTr-TNMT ngày 08/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc, địa chỉ: Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo



vệ môi trường của Dự án “Xây dựng cải tạo trạm xử lý nước thải và mạng lưới thu gom nước thải cho Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên Dự án: Xây dựng cải tạo trạm xử lý nước thải và mạng lưới thu gom nước thải cho Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

1.3. Quyết định thành lập trường số 257/QĐ-BLĐT BXH ngày 15/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Quyết định đổi tên trường số 695/QĐ-LĐT BXH ngày 18/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trường học.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở: Dự án có tổng mức đầu tư là 2.399.000.000 đồng. Căn cứ theo khoản 3, điều 10, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, quy mô tổng mức đầu tư của dự án thuộc nhóm C.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND huyện Sóc Sơn, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Sóc Sơn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (mười năm), kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *Am*

Nơi nhận: *W*

- UBND huyện (b/c);
- Phòng TN&MT huyện;
- Cổng thông tin điện tử UBND huyện Sóc Sơn;
- Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc (để thực hiện);
- Lưu VT. *ll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Ngọc



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Quyết định số 03/GPMT-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện Sóc Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bếp, bể tiểu.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa, phễu thu sàn WC.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu bếp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng nước thải sau xử lý đầu nổi vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2323486 Y = 0583259.

(Hệ tọa độ VN 2000)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 70 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.4. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, hệ số K = 1,0 – Hệ số tính đối với Trụ sở cơ quan, văn phòng, trường học, cơ sở nghiên cứu lớn hơn hoặc bằng 10.000 m², cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (K=1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	–	5 - 9	Không thuộc đối	Không thuộc đối
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	50		

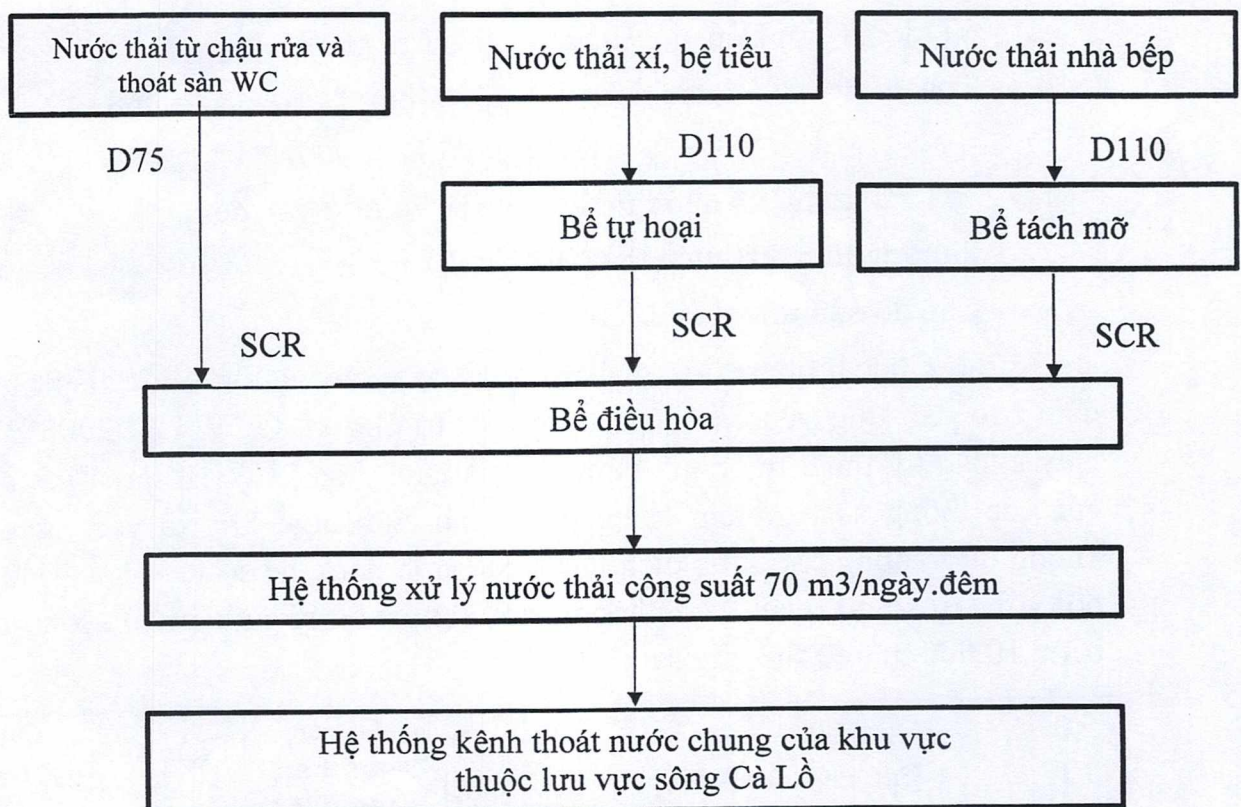
TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (K=1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	tương thực hiện ^(*)	tương thực hiện ^(*)
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

(*): Theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

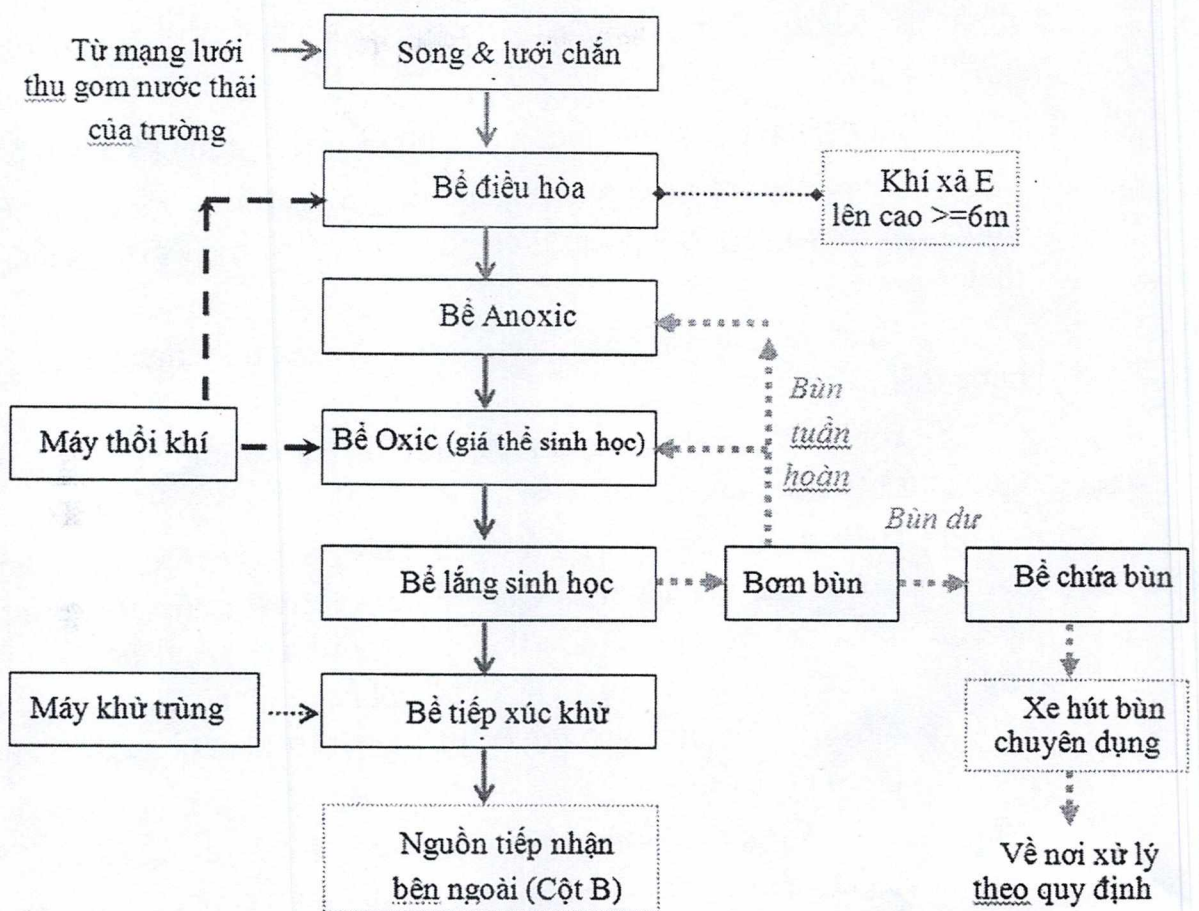
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:



Tóm tắt sơ đồ thu gom nước thải

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải



- Quy trình công nghệ tóm tắt như sau:

+ Nước thải từ chậu rửa, phễu thu sàn WC các tòa được thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải xí, bệ tiểu từ khu vực vệ sinh các tòa được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải nhà bếp từ khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm:

Nước thải từ bể tự hoại, bể tách mỡ, nước rửa từ khu vệ sinh các tòa sau khi qua song chắn rác được tập trung tại Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Oxic (giá thể sinh học) → Bể lắng sinh học → Bể tiếp xúc khử → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công suất các công trình xử lý nước thải của cơ sở đáp ứng được nhu cầu xả thải lớn nhất là 70 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: khử trùng bằng khí Ozone

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại hệ thống xử lý nước thải, không được xả nước thải chưa đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu giữ tại bể điều hòa. Trường hợp quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 01/2024 đến hết tháng 03/2024, Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND huyện Sóc Sơn (*phòng Tài nguyên và Môi trường huyện*) trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (*theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau xử lý lấy tại vị trí phía sau bể khử trùng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2323486 Y = 0583259.

(*Hệ tọa độ VN 2000*)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt,

hệ số $K = 1,0$ – Hệ số tính đối với trường học có diện tích lớn hơn hoặc bằng 10.000 m^2 .

2.3. Tần suất lấy mẫu: Lấy mẫu đơn 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của dự án.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Trường hợp xảy ra sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước thải sau xử lý, Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc phải báo cáo kịp thời về UBND huyện Sóc Sơn (qua phòng Tài nguyên và Môi trường) và các đơn vị có liên quan.



Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 03/GPMT-UBND ngày 11/3/2024 của
UBND huyện Sóc Sơn)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh thường xuyên sau quá trình vận hành: 110 kg/năm.

STT	Loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	10
2	Pin thải	16 01 12	Rắn	35
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bao gồm cả đèn led)	16 01 13	Rắn	15
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	20
5	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	30
Tổng khối lượng				110

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt	96
2	Bùn thải từ hệ thống XLNT	07
Tổng khối lượng		103

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1 Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chuyên dụng dung tích 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn và có dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

Kho chứa CTNH được bố trí tại phía Tây Nam của nhà xưởng thực hành B1, diện tích khoảng 5m² được xây dựng thành phòng riêng, kết cấu tường gạch, nền lát gạch, có cửa kín gió, có mái che và có biển báo “khu vực chứa chất thải nguy hại” ngoài cửa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt, được lưu chứa trong các thùng chuyên dụng dung tích 5-7 lít và 60 lít ở các nhà vệ sinh và các sảnh tòa nhà rồi cuối ngày được thu gom vào các xe rác dung tích 500 lít ở kho chứa chất thải sinh hoạt của dự án.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: Diện tích khoảng 100 m² tại khu vực góc phía Đông Bắc của dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kho chứa được thiết kế đạt chuẩn, sàn bê tông, có vách ngăn, có biển chỉ dẫn, cảnh báo.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc hợp đồng với đơn vị đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMTT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

- Thực hiện việc quản lý chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường theo quy định tại khoản 1 Điều 76, khoản 6 Điều 77, Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 24, 25, 26, 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trường cao đẳng Điện lực miền Bắc cam kết thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo điểm d khoản 1 Điều 72 quy định của Luật Bảo vệ môi trường 72/2020/QH14.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 03/GPMT-UBND ngày 11/3/2024 của
UBND huyện Sóc Sơn)

1. Trong quá trình thi công dự án, hoạt động xây dựng dự án phải tuân thủ Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Quá trình thi công xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định về đảm bảo trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, có biện pháp giảm thiểu bụi thải, khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2023/BTNMT.

3. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, đất đá thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, dân cư, các hoạt động văn hóa, kinh tế, xã hội của địa phương trong quá trình xây dựng thi công. Việc phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình thi công xây dựng phải được thực hiện theo các quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Bảng 1 – Khu vực thông thường), QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Bảng 1 – Khu vực thông thường).

5. Quản lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng:

a) Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng phải được phân loại, thu gom, lưu giữ và quản lý theo đúng quy định tại Điều 77, Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 58, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 26, Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng phải được phân loại, thu gom, lưu giữ và quản lý theo đúng quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Quản lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng:

a) Nước thải sinh hoạt: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Nước thải thi công: được thu gom tại cầu rửa xe sau đó được xử lý qua bể lắng 02 ngăn (có bố trí vải lọc tách dầu), nước sau xử lý được tái sử dụng để

SƠN T. P. H.

trộn vữa, phun ẩm công trường và không xả thải ra môi trường. Vải lọc dầu | được định kỳ thay thế và thu gom, quản lý như chất thải nguy hại.

7. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý, các công trình biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

9. Thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thị công xây dựng và vận hành dự án.

10. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành trong quá trình thực hiện dự án và sau khi dự án đi vào vận hành.

11. Thực hiện xây dựng, vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình và tiến độ theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

12. Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

13. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường.

14. Thực hiện việc cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.